

Bản án số: 460/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Tiến

2. Ông Trần Đặng Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Hữu Tiến A, sinh năm: 1988

Hộ khẩu thường trú: 1/9 đường D, Phường E, Thành phố H, tỉnh G

Địa chỉ tạm trú: 64 Nguyễn M, Phường N, Quận L, Thành phố H

(có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Văn Hồng B, sinh năm: 1988

Hộ khẩu thường trú: 1/9 đường D, Phường E, Thành phố H, tỉnh G

Địa chỉ tạm trú: 64 Nguyễn M, Phường N, Quận L, Thành phố H

(có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28/6/2020, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn là ông Phạm Hữu Tiến A, trình bày:

Ông và bà Nguyễn Văn Hồng B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân , theo giấy chứng nhận kết hôn số 51, ngày 29/6/2020.

Dù kết hôn tự nguyện nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng chung chí hướng để cùng nhau xây

dựng gia đình hạnh phúc. Bà B đi sớm về khuya, không có thời gian chăm sóc con mà mọi việc hầu hết do ông lo liệu. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên ông yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Giữa ông và Bà B chung sống có một con chung tên Phạm Phúc C, sinh ngày 20/8/2020. Tại đơn khởi kiện, Ông A yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu Bà B cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 03/8/2022, Ông A thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông đồng ý giao con cho Bà B trực tiếp nuôi dưỡng và tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông A khai không có.

Và nợ chung: Ông A khai không có

Ngày 03/8/2022, Ông A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Tại bản tự khai ngày 02/8/2022, bị đơn là bà Nguyễn Văn Hồng B trình bày:

Giữa bà và Ông A tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn ngày 29/6/2020 tại Ủy ban nhân dân Phường P, Thành phố N, tỉnh K. Tuy nhiên đời sống hôn nhân lại không hạnh phúc do vợ chồng không có tiếng nói chung, vì vậy bà đồng ý ly hôn để các bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà B xác nhận giữa bà và ông A chung sống có một con chung tên Phạm Phúc C, sinh ngày 20/8/2020. Bà yêu cầu được nuôi con vì con còn quá nhỏ, cần được sự chăm sóc của người mẹ. Bà và ông A sẽ tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: khai không có.

Và nợ chung: Bà B khai không có

Ngày 02/8/2022, Bà B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa ông A và bà B là “Tranh chấp về ly hôn”. Bị đơn bà Nguyễn Văn Hồng B có địa chỉ cư trú tại Quận M, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H.

- Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Ông A và bà Nhung.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cả Ông A và Bà B đều xác định đời sống hôn nhân của ông, bà không hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung và không

mong muốn hàn gắn, Bà B đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông A.

- Về con chung: Giữa Ông A và bà B chung sống có một con chung tên Phạm Phúc C, sinh ngày 20/8/2020. Ông A và Bà B đều có ý kiến giao con cho Bà B nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu của các đương sự, giao con cho Bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông A phải chịu án phí về Hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Hữu Tiến A

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hữu Tiến A được ly hôn với bà Nguyễn Văn Hồng B.

- Về con chung: Giao trẻ Phạm Phúc C, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2020 cho Bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Hữu Tiến A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Phạm Hữu Tiến A chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0018816 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M, Thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- UBND Phường P, Tp. N (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan

